TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2024
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Châu Văn Sang.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Nết;**

2. Ông **Trần Văn Bé Hai.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 642/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Xóm T, xã Bình T, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Phạm Chí D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.
(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2023, chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Chí D kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng

Tháp vào ngày 17/7/2013. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh D ăn chơi cờ bạc, thường xuyên cải vã và gây rối, đánh đập chị N. Chị N nhiều lần tâm sự, góp ý nhằm để vợ chồng hàn gán hôn nhân nhưng anh D không thay đổi. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Chí D.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như L sinh ngày 22/09/2013 và Nguyễn Hoàng Gia H sinh ngày 29/04/2020.

Hiện nay các con đang sống chung với chị Nguyễn Thị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con là Nguyễn Hoàng Như L và Nguyễn Hoàng Gia H, chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Chí D đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tờ tự khai (bản chính);

- Căn cước công dân tên Nguyễn Thị N (bản sao);

- Giấy khai sinh tên Nguyễn Hoàng Như L (bản sao);

- Trích lục khai sinh tên Nguyễn Hoàng Gia H (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

- Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ (bản chính).

NDŨNG ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Chí D, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"* được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 51 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định

tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại Ấp 2, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Phạm Chí D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng thời, chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Chí D và chị Nguyễn Thị N theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị N và anh D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 17/7/2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị N yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do anh D không chịu chú tâm làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Về phía anh D là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị N trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Như L sinh ngày 22/09/2013 và Nguyễn Hoàng Gia H sinh ngày 29/04/2020.

Hiện nay các con đang sống chung với chị Nguyễn Thị N. Xét thấy, hiện nay cháu Như K và cháu Gia H đang sống với chị N, các cháu đang phát triển và được chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của các cháu, nên việc chị N yêu cầu được nuôi cháu Như K và Gia H là phù hợp nên chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị N phải chịu 300.000

đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0004450 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Chí D.

- Về con chung: chị N được nuôi 02 con chung Nguyễn Hoàng Như L sinh ngày 22/09/2013 và Nguyễn Hoàng Gia H sinh ngày 29/04/2020, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Chí D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0004450 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Châu Văn Sang